

KHẢO SÁT THIẾT KẾ BÀI TẬP TRONG GIÁO TRÌNH TIẾNG HÁN THƯƠNG MẠI TẠI TRƯỜNG NGOẠI NGỮ - ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN (KHẢO SÁT “GIÁO TRÌNH NGHE NÓI TIẾNG HÁN THƯƠNG MẠI”)

Vi Thị Hoa*, Thảm Minh Tú
Trường Ngoại ngữ - ĐH Thái Nguyên

TÓM TẮT

Để có được những đề xuất hữu ích cho việc biên soạn bài tập tham khảo học phần tiếng Trung thương mại tại Trường Ngoại ngữ - Đại học Thái Nguyên, bài viết tập trung vào hai nội dung chính. Nội dung thứ nhất là khảo sát tổng thể các dạng bài tập trong “Giáo trình nghe nói tiếng Hán thương mại (Quyển 1)” của tác giả Quý Cần chủ biên, nội dung thứ hai là thông qua kết quả khảo sát đó, đưa ra một vài đề xuất hữu ích trong việc thiết kế biên soạn bài tập tham khảo cho học phần tiếng Trung thương mại tại Trường. Thông qua bốn tiêu chí của tác giả Lý Tuyền: tính thực tiễn, tính thực dụng, tính khoa học và tính hấp dẫn, chúng tôi đã tiến hành khảo sát, phân tích, đánh giá tổng cộng 14 dạng đề bài, 226 bài tập trong giáo trình. Kết quả khảo sát là những nhận xét mang tính khái quát nhất về những ưu điểm và hạn chế trên phương diện thiết kế bài tập của giáo trình này, đồng thời đưa ra những định hướng trong công tác biên soạn bài tập tham khảo phục vụ công tác giảng dạy học phần tiếng Trung thương mại tại Trường Ngoại ngữ - Đại học Thái Nguyên.

Từ khóa: *tiếng Trung thương mại; giáo trình; thiết kế; bài tập; khảo sát*

Ngày nhận bài: 06/9/2020; Ngày hoàn thiện: 08/12/2020; Ngày đăng: 09/12/2020

DESIGNING EXERCISES IN A CHINESE TEXTBOOK FOR BUSINESS AT SCHOOL OF FOREIGN LANGUAGES - THAI NGUYEN UNIVERSITY (BASED ON EVALUATING THE SPEECH TEXTBOOK OF BUSINESS CHINESE)

Vi Thi Hoa*, Thảm Minh Tú
TNU - School of Foreign Languages

ABSTRACT

To acquire useful suggestions for the compilation and edition of exercises for the subject of Chinese for Business at School of Foreign Languages - Thai Nguyen University, this article focuses on two main contents. The former is the overall survey of exercises in "Speech Textbook of Business Chinese (Vol. 1)" by Ji Jin, the second content is, basing on that survey, to give some useful suggestions in compiling and editing reference exercises for the Chinese for Business module at the School. Through four criteria of author Li Quan: practicality, pragmatism, science and attractiveness, the authors have surveyed, analyzed, evaluated a total of 14 types of task instructions, 226 exercises in the Speech Textbook of Business Chinese. The findings are the generalized comments about the advantages and limitations in terms of the exercise design of this textbook, from which proposals for compiling and editing reference exercises are made serving the teaching of Chinese for Business subject at the School of Foreign Languages - Thai Nguyen University.

Keywords: *Chinese Business; book; designing; task; evaluation*

Received: 06/9/2020; Revised: 08/12/2020; Published: 09/12/2020

* Corresponding author. Email: vihoa.sfl@tnu.edu.vn

1. Đặt vấn đề

Đánh giá tài liệu dạy học cũ là một khâu không thể thiếu trong quá trình thiết kế biên soạn tài liệu giảng dạy mới. Xuất phát từ nhận định này, tác giả Triệu Kim Minh (赵金铭) cho rằng, đánh giá tài liệu dạy học cũ, mục đích là để duy trì những ưu điểm, phát huy mở rộng những thứ tính quy luật, từ đó cập nhật làm mới tài liệu dạy học và thông qua đánh giá tìm kiếm sự đổi mới [1]. Hơn nữa, khi tiến hành đánh giá, nhận định một bộ giáo trình được coi là biên tập tốt hay không, ngoài việc dựa trên đánh giá lựa chọn ngữ liệu, kết cấu tổng thể, quan trọng hơn còn phải đánh giá thiết kế phần bài tập [2]. Điều đó chứng tỏ vị trí, vai trò quan trọng của việc đánh giá thiết kế bài tập trong công tác biên soạn giáo trình. Nó không những chỉ phản ánh chất lượng của giáo trình, mà còn có tác dụng định hướng trong công tác biên soạn tài liệu dạy học khác.

Tiếng Trung thương mại là một trong những học phần có khối lượng kiến thức chuyên ngành phong phú, đa dạng, là học phần trọng điểm trong khối kiến thức chuyên ngành của sinh viên năm cuối, học phần này cung cấp cả kiến thức ngôn ngữ và kiến thức chuyên ngành nên việc luyện tập, củng cố kiến thức chuyên ngành rất cần thiết. Để xây dựng được một tập bài tập tham khảo có hiệu quả, phù hợp với trình độ, đối tượng sinh viên của môn học này, chúng tôi lựa chọn “Giáo trình nghe nói tiếng Hán thương mại (Quyển 1)” [3] của tác giả Quý Cần (Chủ biên) Nxb Đại học Mậu dịch Kinh tế đối ngoại, Bắc Kinh, Trung Quốc làm đối tượng nghiên cứu, thông qua bốn tiêu chí biên soạn: tính thiết thực, tính thực dụng, tính khoa học và tính hấp dẫn, sơ bộ đánh giá ưu nhược điểm của các dạng bài tập giáo trình này. Lấy đó làm căn cứ, đề xuất một số kiến nghị trong việc thiết kế biên soạn, biên tập các dạng bài tập tham khảo cho học phần tiếng Trung thương mại tại Trường Ngoại ngữ - Đại học Thái Nguyên.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Giới thiệu sơ lược “Giáo trình nghe nói tiếng Hán thương mại”

“Giáo trình nghe nói tiếng Hán thương mại”, tác giả Quý Cần chủ biên, hoàn thành năm 2008, in và nộp lưu chiểu năm 2009 tại nhà xuất bản Đại học Mậu dịch Kinh tế đối ngoại Trung Quốc, xuất bản lần thứ nhất. Bộ giáo trình bao gồm 4 quyển (Quyển 1-4), được viết cho sinh viên các trường đại học, cao đẳng kinh tế tài chính và lưu học sinh các trường chuyên ngữ có chuyên ngành kinh tế thương mại, đồng thời cũng giành cho người học trong và ngoài nước có trình độ HSK nhất định (tương đương trình độ HSK 5 trở lên), giáo trình này có thể sử dụng để bồi dưỡng tiếng Hán thương mại cao cấp, hoặc phục vụ cho chương trình đào tạo giảng dạy tiếng Hán thương mại từ xa qua mạng. Trong việc rèn luyện các kỹ năng ngôn ngữ ngoại ngữ, nghe và nói là những kỹ năng quan trọng nhất trong giao tiếp thực tế, vì vậy mục tiêu của bộ giáo trình 4 quyển nghe và nói tiếng Hán thương mại này là rèn luyện bồi dưỡng kỹ năng nghe và nói tiếng Hán thương mại cho người học, chú trọng vào việc nâng cao khả năng giao tiếp thực tế.

Trong phạm vi bài viết, chúng tôi chỉ tiến hành nghiên cứu đánh giá phương diện thiết kế bài tập trong quyển 1, của bộ giáo trình 4 quyển “Giáo trình nghe nói tiếng Hán thương mại”, vì quyển 1 của bộ giáo trình này hiện đang được chọn dùng làm tài liệu giảng dạy chính cho học phần tiếng Trung thương mại tại Trường. Quyển 1 của bộ giáo trình này gồm 7 chuyên đề thương mại quốc tế. Theo phân phối chương trình đào tạo tại Trường Ngoại ngữ - Đại học Thái Nguyên, học phần tiếng Trung thương mại thuộc khối kiến thức chuyên ngành, sinh viên hoàn thành ở học kỳ 7-8, tức là dành cho sinh viên năm thứ bốn (ngành đơn ngữ) và sinh viên năm thứ năm (ngành song ngữ), gồm 3 tín chỉ, tổng 45 tiết (30 tiết lý thuyết và 15 tiết thực hành). Thời lượng học 15 tuần, mỗi tuần học 3 tiết, mà “Giáo trình nghe nói tiếng Hán thương mại (Quyển 1)” có 7 chuyên đề, theo đề cương môn học mỗi chuyên đề học trong 2 tuần (3

tiết nghe, 3 tiết nói) là hoàn toàn hợp lý, nội dung kiến thức và độ khó cũng khá phù hợp với trình độ sinh viên đã đạt trình độ cao cấp tại Trường.

Để đi sâu vào khảo sát và đánh giá phân thiết kế bài tập của giáo trình này, chúng tôi đã tiến hành thống kê và phân loại tổng thể các dạng bài tập sau mỗi bài học của từng chuyên đề, qua thống kê chúng tôi nhận thấy, bài tập trong giáo trình được chia thành hai phần riêng biệt, phần nghe và phần nói, tổng 14 dạng bài tập, số liệu cụ thể được thể hiện trong bảng 1.

Đánh giá thiết kế bài tập trong một cuốn giáo trình để từ đó có thể đúc rút kinh nghiệm hữu ích cho việc biên soạn, biên tập bài tập tham khảo, bổ trợ cho môn học chuyên ngành là rất cần thiết. Dưới đây, chúng tôi thông qua bốn tiêu chí biên soạn giáo trình của tác giả Lý Tuyền [4]: tính thiết thực, tính thực dụng, tính khoa học và tính hấp dẫn, bước đầu đánh giá ưu nhược điểm của các dạng bài tập giáo trình này, đồng thời đưa ra một vài đề xuất trong việc thiết kế biên soạn, biên tập các dạng bài tập tham khảo cho học phần tiếng Trung thương mại tại Trường Ngoại ngữ - Đại học Thái Nguyên.

Bảng 1. Tổng hợp các dạng bài tập và số lượng câu hỏi/bài tập trong “Giáo trình nghe nói tiếng Hán thương mại”

Stt	Dạng bài tập	Số lượng (câu/bài tập)
Phần 1: Nghe		
Rèn luyện trước khi nghe:		
1	Nghe và đọc theo	4
2	Gợi ý trước khi nghe	1
Luyện tập sau khi nghe xong:		
3	Phán đoán đúng sai	3
4	Chọn đáp án đúng	3
5	Điền chỗ trống	5-8
6	Trả lời câu hỏi	2
7	Thảo luận	1
8	Nghe và viết lại câu	4
Bài tập tổng hợp		
9	Nghe xong hoàn thành hội thoại (điền chỗ trống)	6-10
10	Tạo/luyện tập tình huống thương mại	1
11	Điều tra thương mại	1
Phần 2: Nói		
12	Phân vai đọc hội thoại	1
13	Biểu đạt khẩu ngữ (trả lời câu hỏi)	1
14	Hội thoại theo tình huống thương mại	1

2.2. Đánh giá thiết kế bài tập trong “Giáo trình nghe nói tiếng Hán thương mại”

2.2.1. Tính thiết thực

Theo tác giả Lý Tuyền [4, tr.188], nguyên tắc tính thiết thực ở đây chính là thiết kế và biên soạn nội dung giáo trình phải phù hợp với đặc điểm, nhu cầu của người học, phù hợp với điều kiện và môi trường của người học, phải thể hiện được trọng điểm và điểm khó của ngôn ngữ đích. Dựa vào nguyên tắc tính thiết thực này, chúng tôi sơ bộ đánh giá ưu nhược điểm của bài tập trong giáo trình như sau:

Ưu điểm:

Thứ nhất, tính thiết thực thể hiện ở nội dung phần bài tập được thiết kế và biên soạn khá phù hợp với đặc điểm, nhu cầu của sinh viên năm cuối, rất cần thiết được học tập và bồi dưỡng nhiều kiến thức chuyên ngành. Hầu hết các dạng bài tập sau phần luyện tập tổng hợp của mỗi chuyên đề có nội dung

đều rất thiết thực, cần thiết phục vụ cho công việc trong tương lai. Như các nội dung bài khóa về đàm phán [3, tr.1-15], ký kết hợp đồng [3, tr.32-44], đóng gói bao bì và vận chuyển hàng hóa [3, tr.16-31], khai báo hải quan [3, tr.47-60]... và các bài tập liên quan đến nội dung học, ví dụ:

"中国加入世界贸易组织的谈判是一个有名的“双赢”谈判，请调查一下中国加入世界贸易组织谈判的简单情况。" [3, tr.13] (Đàm phán khi Trung Quốc gia nhập tổ chức WTO là một đàm phán “thắng lợi kép”, hãy điều tra sơ lược tình hình Trung Quốc đàm phán ra nhập tổ chức WTO), "你认为中国的商品包装还有哪些问题？举例说明" [3, tr.27] (Bạn cho rằng bao bì sản phẩm hàng hóa Trung Quốc còn tồn tại những vấn đề gì? Lấy ví dụ minh họa), ...

Những dạng bài tập như trên có nội dung thiết thực, gần gũi với đời sống hàng ngày của người học, tạo sự liên hệ thực tiễn và môi trường phù hợp với người học, khiến người học có nhiều nội dung để luyện tập, trau dồi thêm kiến thức chuyên ngành và rèn luyện kỹ năng nói.

Thứ hai, tính thiết thực được thể hiện ở tính trọng điểm và điểm khó của các dạng bài tập được thiết kế trong giáo trình. Các dạng bài tập của giáo trình chú trọng tới mục tiêu của môn học và phát triển năng lực ngôn ngữ của người học, chú trọng tới tính cân bằng về lý thuyết và bài tập luyện tập. Theo thống kê, số lượng bài tập của “Giáo trình nghe nói tiếng Hán thương mại” (Quyển 1) là 226 bài, tổng số bài tập trong mỗi chuyên đề là 30, riêng chuyên đề 1 có 36 bài tập, nhiều nhất trong giáo trình. Tác giả đã chú trọng đến việc thiết kế số lượng bài tập, bước đầu thực hiện được mục tiêu của môn học và đáp ứng được nhu cầu của người học. Bàn về số lượng bài tập, hai tác giả Châu Kiện và Đường Linh [5] cho rằng: "Tỉ lệ thời gian làm bài tập và thời gian lên lớp học bài khóa của phần bài đó nên giữ ở mức 1:1 là hợp lý." Tuy nhiên hiện tại vẫn chưa có tiêu chuẩn nào là tiêu chuẩn chính xác về số lượng các dạng bài tập. Chúng tôi cho rằng, với trình độ tiếng Hán trung cấp trở lên, 7 bài tập cho mỗi bài khóa là con số khá

hợp lý và giáo trình này xét về phương diện thiết kế số lượng bài tập cơ bản đã đáp ứng được tiêu chí này.

Do mục đích chủ yếu của “Giáo trình nghe nói tiếng Hán thương mại” là bồi dưỡng cho người học kỹ năng giao tiếp ngôn ngữ chuyên ngành (nghe và nói), nên chúng tôi tiến hành đánh giá thêm tính thiết thực trong năng lực ngôn ngữ. Để đi sâu vào đánh giá tính thiết thực trong năng lực ngôn ngữ, chúng tôi sử dụng ba tiêu chuẩn do tác giả Trạch Diễm [6], đưa ra gồm: tính chính xác (accuracy), tính lưu loát (fluency) và độ phức tạp (complexity) để phân tích. Trong đó tính chính xác được hiểu là sự lựa chọn đúng hình thức ngôn ngữ để thể hiện ý cần biểu đạt; tính lưu loát để chỉ sự trôi chảy, mạch lạc và tốc độ. Độ phức tạp là quá trình làm cho ngôn ngữ trung gian phức tạp hơn, chính xác hơn, hoàn thiện hơn. Dựa trên những tiêu chuẩn trên, chúng tôi tiến hành đánh giá, phân loại các dạng bài tập trong "Giáo trình nghe nói tiếng Hán thương mại", cụ thể như sau: các dạng bài tập trong giáo trình được thiết kế có mang hai tiêu chuẩn tính chính xác và độ phức tạp (8/14 dạng bài, chiếm 57,14%), có 2/14 dạng bài tập mang cả ba tiêu chuẩn, chiếm 14,28%. Có thể nhận thấy các dạng bài tập khi thiết kế đã được chú trọng đến sự chính xác và độ khó nhất định. Dạng bài chú trọng tới trên một đặc tính tương đối ít, chính là tính lưu loát (chỉ có 5/14 dạng bài, chiếm 35,7%). Qua đây chúng tôi nhận thấy, nếu có thể thiết kế thêm những dạng bài tập gồm hai đặc tính trở lên sẽ có hiệu quả học tập cao hơn.

Hạn chế:

Qua thống kê và phân tích, chúng tôi nhận thấy tính thiết thực của bài tập trong giáo trình đã thể hiện rất rõ rệt, tuy nhiên khi thiết kế bài tập vẫn còn một số tồn tại như sau:

Thứ nhất, các dạng bài tập chưa phong phú. Bài tập trong giáo trình về mặt nội dung tuy đã có tính trọng điểm, đáp ứng được nhu cầu của người học, nhưng chỉ chú trọng vào phát triển kỹ năng nghe và nói cho người học, chưa hoàn toàn phù hợp với điều kiện và môi trường học tập của người học, chưa thực sự

trợ giúp người học củng cố kiến thức ở nhà và rèn luyện kỹ năng làm bài trong và sau khi lên lớp. Cụ thể, 7 dạng bài tập đầu là 1, 2, 3, 4, 5, 6 và 8 hỗ trợ rèn luyện kỹ năng nghe, các dạng bài tập còn lại chú trọng rèn luyện kỹ năng nói (theo bảng 1). Các dạng bài tập chưa thực sự phong phú, thiết kế lặp đi lặp lại giống nhau, tạo cho người học sự nhàm chán, không phát huy hết khả năng tư duy sáng tạo, hiệu quả học tập chưa cao.

Vấn đề tồn tại lớn hơn đó là số lượng câu hỏi trong các dạng bài tập rất ít. Từ số liệu thống kê bảng 1, có thể thấy số lượng câu hỏi trong mỗi bài tập trong giáo trình chưa đáp ứng được nhu cầu cấp thiết của người học, số lượng câu trong mỗi bài tập là rất ít, các dạng bài tập mang tính tiêu biểu như dạng phân đoán đúng sai, dạng lựa chọn đáp án đúng... chỉ có 3 câu/ bài. Tổng số câu hỏi trong tất cả 14 dạng bài từ 36 câu đến 42 câu, vì số lượng câu trong một số bài tập không giống nhau. Như vậy bình quân mỗi bài tập có khoảng từ 2,5 câu đến 3 câu. Như vậy số lượng câu hỏi cho mỗi bài tập là quá ít. Tuy rằng nội dung kiến thức cơ bản đảm bảo yêu cầu của bài học, giúp người học nắm được kiến thức từng bài, nhưng chưa thực sự hỗ trợ người học được rèn luyện, trau dồi thêm kỹ năng.

Thứ hai, độ khó của bài tập. Theo khảo sát bên trên, có 10/14 dạng bài tập có độ phức tạp, chiếm 71,42%. Tức là các dạng bài tập trong giáo trình này đa số đều có độ khó nhất định so với trình độ người học, một số bài tập yêu cầu phạm vi kiến thức rộng, độ khó cao, tạo ra những hạn chế nhất định cho người học chưa có kinh nghiệm làm việc và kiến thức chuyên ngành. Một số bài tập nhiều yêu cầu hoặc yêu cầu nâng cao và chuyên sâu hơn, người học khó mà đáp ứng được, ví dụ: "请收集一个你的国家遭遇到的技术性贸易壁垒或反倾销的例子。分析一下遭遇到这些非关税壁垒的原因以及最后的结果如何?" [3, tr.72] (Bạn hãy thu thập một vụ án của đất nước bạn về bán phá giá hoặc vấp phải hàng rào thương mại kỹ thuật. Phân tích một chút nguyên nhân của việc gặp phải những vụ phi hàng rào thuế quan như thế này và kết quả cuối cùng như thế nào?). Đề bài kiểu như này

có rất nhiều yêu cầu và độ khó rất cao, điều này gây áp lực cho người học và có thể hiệu quả học tập sẽ không cao. Kiểu đề bài này sau mỗi chuyên đề đều có một bài, chúng tôi cho rằng phù hợp với một bài tập lớn, có thể cho người học làm việc hoặc thảo luận theo nhóm, cần có nhiều thời gian để thu thập tài liệu, phân tích các nội dung trong bài yêu cầu, nếu không người học khó mà hoàn thành nhiệm vụ theo yêu cầu của đề bài giao. Qua đó có thể thấy một số dạng bài tập chưa thực sự phù hợp với đặc điểm và môi trường học tập của người học.

2.2.2. Tính thực dụng

Nguyên tắc tính thực dụng của bài tập trong giáo trình để chỉ người học có thể vận dụng được các kiến thức đã học được, liên hệ với thực tế, để luyện tập, củng cố kiến thức hoặc rèn luyện kỹ năng làm bài. Theo tác giả Lý Tuyền [4, tr.211], tính thực dụng ở đây chỉ người học có thể sử dụng được trong thực tế, gần gũi với cuộc sống hàng ngày, làm cho người học cảm thấy là học xong dùng được. Thông qua khảo sát và phân tích, chúng tôi nhận thấy, tính thực dụng trong thiết kế giáo trình này có những ưu nhược điểm như sau:

Ưu điểm

Theo cách biểu đạt ở trên, tính thực dụng trong thiết kế bài tập của giáo trình này chủ yếu thể hiện qua việc người học có thể sử dụng trong thực tế, biết vận dụng các kiến thức chuyên ngành đã được học, liên hệ với thực tế để luyện tập, nắm vững kiến thức và dần dần nâng cao trình độ. Trong giáo trình này, các dạng bài tập rất thực dụng, được thiết kế để người học phát huy tối đa năng lực tư duy và khả năng liên hệ với thực tế để luyện tập. Đa số các bài tập đều lựa chọn ngữ cảnh tại Trung Quốc hoặc xuất phát từ môi trường người học, dần dần dẫn dắt thâm nhập vào các chủ đề trong lĩnh vực thương mại của quốc gia người học hoặc tình hình thương mại quốc tế. Ví dụ:

"中国南方钢铁公司有一批钢材要出口到越南。你是该公司的业务员，但你对报关的业务不太熟悉。请模仿课文的对话，设计一个你在报关咨询专业报关员的情景。" [3, tr.60]

(Công ty thép Nam Phương Trung Quốc có một lô hàng thép cần xuất khẩu sang Việt Nam. Bạn là nhân viên nghiệp vụ của công ty đó, nhưng bạn chưa thông thạo nghiệp vụ khai báo hải quan. Hãy mô phỏng đoạn hội thoại trong bài khóa, thiết kế một hoạt cảnh bạn đang xin tư vấn nhân viên chuyên khai báo hải quan).

Hạn chế

Qua khảo sát và phân tích chúng tôi phát hiện vẫn còn một số bài tập chưa thực sự hữu dụng, người học sau khi học xong khó có thể vận dụng ngay vào thực tế. Ví dụ:

"根据对话内容, 请说说为什么“商场如战场”? 在“知己知彼, 百战不殆”之外, 关于《孙子兵法》, 你还知道哪些?" [3, tr.15]

(Căn cứ vào nội dung bài khóa, hãy nói một chút vì sao “thương trường như chiến trường”? Ngoài câu “Biết mình biết người, trăm trận trăm thắng” ra, nói về “Binh pháp Tôn Tử”, bạn còn biết thêm những gì?), chủ đề này chủ yếu mang tính lý luận, không hoàn toàn phù hợp với nhu cầu phổ biến của người học.

2.2.3. Tính khoa học

Nguyên tắc tính khoa học yêu cầu ngôn ngữ cần phải quy phạm, giải thích phải khoa học, tổ chức nội dung cần phải phù hợp với các quy luật ngôn ngữ và quy luật học tập ngôn ngữ. Tác giả Lý Tuyền cho rằng, nội dung phải “quy phạm và được sắp xếp hợp lý” [4, tr.198]. Chúng tôi cho rằng, nguyên tắc tính khoa học của bài tập được thể hiện ở sự tương quan giữa nội dung, hình thức bài tập với nội dung dạy học, mục đích dạy học và đặc điểm của bài học.

Ưu điểm

“Giáo trình nghe nói tiếng Hán thương mại” là cuốn giáo trình nghe và nói, các dạng bài tập trong giáo trình này chủ yếu tập trung vào việc bồi dưỡng năng lực giao tiếp khẩu ngữ về lĩnh vực thương mại cho người học, đặc biệt chú trọng việc luyện tập đối thoại theo ngữ cảnh, tình huống, phân vai. Thông qua nghiên cứu, chúng tôi nhận thấy các dạng bài tập trong giáo trình được thiết kế rất khoa học, ngôn ngữ quy phạm chính xác, bố cục rõ ràng,

tổng thể sắp xếp hợp lý, phù hợp với đặc điểm của từng bài học, cụ thể như sau:

Thứ nhất, nội dung bài khóa và hình thức, cũng như số lượng bài tập rất hợp lý, số lượng bài tập phân chia cân đối giữa các phần nghe và nói. Cụ thể trong tổng số 14 dạng bài tập trong giáo trình có 7 dạng bài tập trung rèn luyện kỹ năng nghe, và 7 dạng bài tập còn lại chú trọng luyện tập kỹ năng nói. Về tổng thể, các dạng bài tập trong giáo trình chú trọng rèn luyện kỹ năng nghe và nói, các dạng bài tập này được thiết kế đan xen, lồng ghép nhau để người học linh hoạt luyện tập và đạt hiệu quả cao.

Thứ hai, độ khó tăng dần, được nhắc lại ở nhiều ngữ cảnh, có chú trọng mở rộng nâng cao. Trước hết tính khoa học được thể hiện ở sự sắp xếp rất hợp lý về độ khó của các dạng bài tập, các dạng bài tập có độ khó tăng dần, hầu hết các nội dung luyện tập được nhắc lại nhiều lần trong các ngữ cảnh khác nhau, để giúp người học củng cố kiến thức đã được học. Ví dụ: trong chuyên đề 1, bài khóa 3 [3, tr.6], các câu hỏi trong các bài tập được thiết kế có độ khó tăng dần, lặp đi lặp lại nhiều lần nội dung “和不同的国家的人谈判” (đàm phán với người ở các quốc gia khác nhau) ở các ngữ cảnh, để người học ghi nhớ, củng cố kiến thức sâu hơn, cụ thể: bài tập gợi ý trước khi nghe, bài 2 [3, tr.6]: 和不同的国家的人谈判会有什么不同? (Đàm phán với người ở các quốc gia khác nhau có gì khác nhau?); bài tập phán đoán đúng sai, bài 1 [3, tr.6]: “因为谈判双方国家的文化不同, 所以跟不同国家的人谈判差别很大。” (Bởi vì văn hóa quốc gia khác nhau giữa đôi bên đàm phán, cho nên sự khác biệt của người đàm phán của các quốc gia khác nhau rất lớn); bài tập trả lời câu hỏi, bài 4 [3, tr.7]: 为什么与不同的国家的人谈判差别很大? (Vì sao sự khác biệt với người đàm phán của các quốc gia khác nhau rất lớn?) .

Qua đây có thể khẳng định, bài tập trong giáo trình này đã đạt được mục tiêu đề ra ban đầu đó là ôn tập, củng cố nội dung kiến thức đã được học. Ngoài ra, có khá nhiều dạng bài tập được mở rộng nâng cao, theo khảo sát thì có 5/14 (35,71%) dạng bài tập được thiết kế mở

rộng nâng cao, nhằm luyện tập chuyên sâu, nâng cao hơn cho người học. Phần bài tập theo dạng củng cố kiến thức trên lớp là những nội dung đã sẵn có trong bài khóa, còn phần mở rộng nâng cao là phần giúp người học luyện tập cách tự biểu đạt và ôn tập củng cố kiến thức sau buổi học trên lớp.

Hạn chế

Thứ nhất, một số dạng bài tập thiết kế bị trùng lặp, tuy tên gọi bài tập khác nhau, nhưng yêu cầu nhiệm vụ là hoàn thành như nhau. Ví dụ: bài tập “填空题” (Điền từ vào chỗ trống) và bài tập “综合上面课文的内容, 听后完成对话” (Tổng hợp nội dung của các bài khóa đã học, nghe xong hoàn thành hội thoại) bản chất là như nhau, cùng là nghe xong điền từ vào chỗ trống. Tuy rằng nội dung cần điền trong các bài tập không bị trùng lặp, nhưng ít nhiều vẫn gây ra sự nhàm chán cho người học, hạn chế phát huy năng lực tư duy ngôn ngữ.

Thứ hai, tiêu đề bài tập phức tạp hóa, dễ khiến người học phải dồn sự tập trung vào việc phân tích đề bài, mà có thể quên đi mục đích chính, như dạng bài tập điền từ tổng hợp bên trên đã nhắc đến:

“综合上面四段课文的内容, 听后完成对话” (Tổng hợp nội dung của 4 bài khóa đã học, nghe xong hoàn thành hội thoại) [3, tr.101]. Mục tiêu của dạng bài tập này chỉ cần người học căn cứ vào nội dung nghe được, để điền từ vào chỗ trống là đã hoàn thành nhiệm vụ, nhưng tiêu đề của bài tập lại rất phức tạp, dùng từ ngữ khá vòng vèo, tạo độ khó và tạo cảm giác áp lực cho người học. Qua quan sát, chúng tôi nhận thấy phần bài tập trong giáo trình nghe và nói khác sử dụng tiêu đề tương đối đơn giản, dễ nhớ như: “听后填空” (Nghe xong điền từ), “综合填空” (Điền từ tổng hợp)... Vì vậy, chúng tôi cho rằng tiêu đề nên đi trực tiếp vào yêu cầu của bài tập, đủ ý, ngắn gọn và súc tích, dễ thực hiện, cần giảm thiểu những từ ngữ không cần thiết hoặc phức tạp hóa đề bài.

Thứ ba, ngôn ngữ sử dụng trong một số bài tập không thống nhất, độ dài ngắn trong cùng một dạng bài của một số cũng không tương

đồng. Qua thống kê, chúng tôi phát hiện có một số bài tập về mặt nội dung và yêu cầu có sử dụng hai ngôn ngữ là tiếng Trung và tiếng Anh, trong khi đó những bài tập khác trong cả giáo trình đều chỉ sử dụng duy nhất một ngôn ngữ là tiếng Trung, cụ thể là bài tập “商务情景练习” (Luyện tập tình huống thương mại) [3, tr.30]; bài tập này không những không thống nhất về ngôn ngữ, mà độ dài cũng không tương đồng với các bài tập còn lại, đề bài và yêu cầu quá dài (300 - 400 chữ), trong khi đó các bài tập cùng dạng bài này có độ dài chỉ khoảng từ 100 đến 120 chữ.

2.2.4. Tính hấp dẫn

Tác giả Lý Tuyền cho rằng “Tính hấp dẫn của giáo trình do nhiều yếu tố tạo thành”, nhưng chủ yếu vẫn là “hai phương diện: nội dung và hình thức” [4, tr.224]. Bài tập tuy là một phần nhỏ trong giáo trình giảng dạy, nhưng cũng vẫn rất cần hấp dẫn, thu hút và khơi gợi được hứng thú học tập cho người học. Chúng tôi thông qua nội dung và hình thức của các dạng bài tập trong giáo trình để đánh giá tính hấp dẫn trong thiết kế, biên soạn bài tập của giáo trình này như sau:

Ưu điểm

Thứ nhất, xét về nội dung, các chuyên đề trong “Giáo trình nghe nói tiếng Hán thương mại” rất trọng tâm, mới mẻ, mang tính thời sự, hấp dẫn người học. Đồng thời cung cấp khối kiến thức nền tảng, phục vụ cho công việc trong tương lai của người học. Những nội dung kiến thức này không những chắc chắn sẽ sử dụng trong công việc sau khi tốt nghiệp, mà cũng rất cần thiết trong đời sống hàng ngày, ví dụ:

“2005 年 7 月, 欧盟正式决定对中国出口的皮鞋进行反倾销调查。其中温州皮鞋涉案金额 2000 多万美元, 涉案企业 6 家。请设计一个温州的一家制鞋企业向律师咨询如何应对反倾销调查的对话。” (Tháng 7 năm 2005, EU đã chính thức điều tra chống bán phá giá đối với xuất khẩu giày da Trung Quốc. Trong đó, tổng số tiền liên quan đến vụ án ở Ôn Châu là hơn 20 triệu đô la Mỹ, 6 doanh nghiệp liên quan đến vụ án. Hãy thiết kế một đoạn hội thoại một doanh nghiệp giày

da Ôn Châu xin tư vấn luật sư để ứng phó với vụ điều tra chống bán phá giá này ra sao.) [3, tr.75]...

Nội dung của những đề bài tập này sẽ khiến cho người học cảm thấy hữu ích, tạo hứng thú cho người học chủ động học hỏi, tìm tòi và lĩnh hội kiến thức.

Thứ hai, xét về hình thức, chúng tôi nhận thấy tổng thể các dạng bài tập trong giáo trình được thiết kế hài hòa, trình bày bắt mắt, tạo được sự hấp dẫn cho người học. Cụ thể: Hình thức bài tập sau mỗi bài khóa trong mỗi chuyên đề được thiết kế đồng đều giống nhau, rất cân đối, bao gồm 14 dạng bài chia đều cho luyện tập hai kỹ năng nghe và nói. Tạo cho người học cảm giác quen thuộc, chuẩn bị sẵn tâm lý làm bài. Tác giả sử dụng gam màu mạnh để thiết kế toàn bộ giáo trình, đó là hai màu đỏ và đen. Gam màu đỏ tạo sự chú ý mạnh với người học kết hợp với màu đen truyền thống. Tiêu đề bài tập và đáp án được sử dụng gam màu đỏ, nội dung sử dụng gam màu đen, tạo sự khác biệt rõ rệt, đồng thời tạo sự chú ý đặc biệt cho người học, khiến người học chú trọng hơn, nhớ lâu hơn.

Hạn chế

Trong thiết kế tài liệu giảng dạy, tranh ảnh cũng là một trong những yếu tố thể hiện tính hấp dẫn, thu hút người học. Tuy nhiên, về phương diện thiết kế sử dụng hình ảnh, các bài khóa và bài tập trong giáo trình hoàn toàn không sử dụng bất kỳ tranh ảnh hay hình ảnh nào minh họa. Chúng tôi cho rằng, nên thiết kế thêm hình ảnh hoặc tranh ảnh minh họa cần thiết cho từng dạng bài tập, giúp người học nhận thức tích cực hơn, góp phần gây dựng niềm hứng thú học tập.

3. Kết luận

Từ những phân tích trên, chúng tôi cho rằng, để thiết kế và biên soạn, biên tập được các dạng bài tập tham khảo cho học phần tiếng Trung thương mại cần thực hiện được những nội dung sau: *Thứ nhất*, thiết kế bài tập phải kết hợp luyện tập kiến thức chuyên ngành và

luyện tập ngôn ngữ giao tiếp, đảm bảo các tiêu chuẩn: tính chuẩn xác, tính lưu loát và độ phức tạp. *Thứ hai*, các dạng bài tập cần phải phong phú, nội dung mang tính thời đại, tư liệu ngôn ngữ nên sưu tầm từ thực tế, kết hợp tính thực dụng và tính dẫn dắt, hỗ trợ người học ghi nhớ lâu, học đến đâu, sử dụng luôn đến đó. *Thứ ba*, thiết kế bài tập cho đối tượng sinh viên đạt trình độ trình độ tiếng Hán trung cao cấp, cần cân nhắc tới số lượng bài tập và số lượng câu hỏi trong từng bài. Ngoài số bài tập đã cung cấp trong giáo trình, chúng tôi kiến nghị nên thiết kế biên soạn thêm 3-5 dạng bài tập khác nữa, bao gồm các dạng bài luyện tập từ (như: giải thích cụm từ chuyên ngành, chọn từ điền chỗ trống), các dạng bài tập luyện tập câu (như: sắp xếp từ thành câu, đặt câu với cụm từ chuyên ngành, dịch câu), các dạng bài luyện tập đoạn văn (như: sắp xếp câu thành đoạn, điền từ vào chỗ trống trong đoạn văn ngắn, dịch đoạn văn ngắn, dịch hội thoại...). *Cuối cùng*, các dạng bài tập được biên soạn thêm có thể được vận dụng ngay trong quá trình giảng dạy trên lớp, giúp người học luyện tập và củng cố kiến thức ngay sau phần nội dung lý thuyết.

TÀI LIỆU THAM KHẢO/REFERENCES

- [1]. J. M. Zhao, "On the Evaluation of Chinese Language Teaching Materials", *Language Teaching and Research*, vol. 3, pp. 5-8, 1998.
- [2]. Y. Li, "Base on "Bridge" - Practical Chinese Intermediate Course," *Language Teaching and Research*, vol. 2, pp. 35-38, 1998.
- [3]. J. Ji, *Business Chinese Listening and Speaking Course*, University of International Business and Economics Press, vol. 1, 2008.
- [4]. Q. Li, *Theoretical Thinking on Teaching Chinese as a Foreign Language*. Beijing Commercial Press, 2012.
- [5]. J. Zhou, and L. Tang, "Investigation and Thinking on the Design of Chinese textbook exercises," *Language Teaching and Research*, vol.4, pp. 22-25, 2004.
- [6]. Y. Di, *Spoken Chinese: From Teaching to Testing*. Beijing Language and Culture University Press, 2013.